

Bản án số: 248/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hạ và ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 696/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị L**, sinh năm 1988; CCCD số: 020188000299; Đăng ký thường trú: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã H, thành phố Hải Phòng); nơi ở hiện nay: Nhật Bản; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L trong việc giao nhận văn bản bản tố tụng tại Tòa án: Chị **Hoàng Thị L1** – sinh năm 1993; CCCD số 020193008049; Địa chỉ: Thôn R, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh).

2. Bị đơn: Anh **Mạc Văn V**, sinh năm 1983; CCCD số: 030083019737; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã H, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Hoàng Thị L** trình bày nội dung vụ việc như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Mạc Văn V** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày

17/02/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm, đến năm 2019 chị đi lao động tại Nhật Bản, từ đó hai bên đã xảy ra những bất đồng trong cách làm ăn, chi tiêu kinh tế, dẫn đến thường cãi nhau. Anh V đã chặn số điện thoại không cho chị liên lạc. Chị đã nhờ gia đình hai bên hòa giải, bản thân cũng tìm cách hàn gắn tình cảm với anh V nhưng giữa anh, chị không hàn gắn được tình cảm với nhau, vợ chồng cư xử với nhau lạnh nhạt, không còn tin tưởng, quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 4 năm, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mạc Văn V theo quy định của pháp luật.

Hiện chị đang lao động ở Nhật Bản, về phép được khoảng 01 tháng, sau đó chị phải tiếp tục quay trở lại Nhật Bản làm việc theo hợp đồng, chị đã ủy quyền cho em gái thay mặt chị giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Mạc Duy K, sinh ngày 13/12/2007 và Mạc Diệu H, sinh ngày 30/01/2013. Nếu ly hôn chị nhất trí để anh V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K đến khi thành niên, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến khi thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Mạc Văn V trình bày như sau: Anh đồng ý với nội dung trình bày của nguyên đơn chị Hoàng Thị L trong nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai về quá trình chung sống, xây dựng gia đình và mâu thuẫn của vợ chồng. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị L. Về con chung, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung là Mạc Duy K, sinh ngày 13/12/2007 và Mạc Diệu H, sinh ngày 30/01/2013 cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung: Anh và chị L trong thời kỳ hôn nhân có 01 thửa đất có nhà và các công trình phụ. Thửa đất trên là do bố mẹ anh cho hai vợ chồng vào năm 2012 đến năm 2015 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2015 anh có mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra thế chấp tại ngân hàng A để vay khoản tiền 400.000.000 đồng (khoản nợ trên do một mình anh đứng tên). Năm 2022 khi đáo hạn hợp đồng anh có vay thêm 600.000.000 đồng của ngân hàng A và khoản nợ trên vẫn do một mình anh đứng tên và trả gốc, lãi hàng tháng. Khoảng tháng 11 năm 2023 anh và chị L thỏa thuận chuyển tên khoản nợ sang cho chị Hoàng Thị L, tuy nhiên hàng tháng anh vẫn chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của chị L để trả lãi hàng tháng. Bên cạnh đó anh và chị L còn nhờ bố mẹ anh vay hộ 800.000.000 đồng vào năm 2019, khi đó bố anh đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên của bố mẹ anh để thế chấp ngân hàng, hàng tháng một mình anh đứng ra trả lãi đối với khoản nợ trên. Đến năm 2022 bố anh tuổi cao sức yếu nên đã chuyển tên khoản vay trên sang em gái anh là Mạc Thị H1. Hàng tháng anh vẫn phải chuyển tiền để trả lại cho khoản vay trên, thỉnh thoảng chị L cũng chuyển tiền trả lãi cho chị H1. Trường hợp ly hôn anh sẽ nhận trả toàn bộ khoản nợ chung và anh lấy căn nhà chung của hai vợ chồng cho các con ở.

Toà án đã tiến hành ghi lời khai của chị Mạc Thị H1, sinh năm 1989 là em gái của anh Mạc Văn V về việc xác minh khoản tiền vay nợ do chị H1 hiện đang đứng tên. Nội dung lời khai của chị H1 cung cấp giống nội dung do bị đơn anh V cung cấp. Chị sẽ cung cấp các tài liệu chứng cứ cho Toà án qua đường công văn và xin vắng mặt tại các buổi làm việc với Toà án.

Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương, thể hiện như sau: Chị L và anh V có quan hệ hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có sự tin tưởng quan tâm tới nhau. Mâu thuẫn của hai bên không giải quyết được nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung của đương sự, xác định được vợ chồng chị L và anh V có 02 con chung, hiện nay hai cháu đang ở với anh V.

Tại phiên tòa: Chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh V vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến như sau: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã cung cấp lời khai cho Toà án, tuy nhiên trong quá trình xem xét giải quyết vụ việc đã vắng mặt tại các buổi triệu tập làm việc, phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hoàng Thị L được ly hôn với bị đơn anh Mạc Văn V. Đề nghị giao cả hai con chung cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng. Anh V không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Toà án không xem xét. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về Ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong đó bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã H, thành phố Hải Phòng) và bị đơn đang cư trú tại nước ngoài (Nhật Bản) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nay là Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng (Kể từ ngày 01/7/2025). Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Mạc Văn V có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N vào ngày 17/02/2006, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, đúng với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, bên cạnh đó Chị Hoàng Thị L và anh Mạc Văn V đã không chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ về tình cảm. Chị L, anh V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị L, anh V ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh V có 02 (hai) con chung là Mạc Duy K, sinh ngày 13/12/2007 và Mạc Diệu H, sinh ngày 30/01/2013. Hiện nay các cháu đều trên 07 tuổi và đang sinh sống cùng với bố tại thôn T, xã H, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ghi lời khai của các cháu, đều xác định được nguyện vọng, mong muốn được ở với bố để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập bình thường của các cháu. Bên cạnh đó chị Hoàng Thị L hiện nay đang sinh sống tại nước ngoài (Nhật Bản) nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Từ những căn cứ nêu trên xét thấy yêu cầu của bị đơn là anh Mạc Văn V có căn cứ pháp luật và điều kiện thực tế nên cần được chấp nhận giao cả hai con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh V không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn trong vụ án là chị Hoàng Thị L không có yêu cầu chia tài sản chung; bị đơn là anh Mạc Văn V trình bày có tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn không đưa ra các yêu cầu cụ thể và các tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án; chị Mạc Thị H1 là em gái của anh V có trình bày về khoản nợ vay hộ đối với vợ chồng anh V, chị L, tuy nhiên chị H1 cũng không đưa ra quan điểm cụ thể và không cung cấp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Mạc Văn V và chị Mạc Thị H1 nhiều lần để làm rõ yêu cầu của các đương sự và nhận các tài liệu, chứng cứ về tài sản, các khoản nợ. Tuy nhiên, anh V, chị H1 không đến Tòa án làm việc, không cung cấp chứng cứ, tài liệu liên quan đến yêu cầu của mình. Do vậy, trong vụ án này HĐXX không xem xét yêu cầu về tài sản của anh V và yêu cầu giải quyết nợ của chị H1. Các đương sự có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền về việc giải quyết phân chia tài sản sau ly hôn trong vụ án khác. Như vậy, quyền lợi của các đương sự vẫn được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Hoàng Thị L** được ly hôn với anh **Mạc Văn V**.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Mạc Duy K, sinh ngày 13/12/2007 và Mạc Diệu H, sinh ngày 30/01/2013 cho anh Mạc Văn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Mạc Văn V không yêu cầu chị Hoàng Thị L phải cấp dưỡng cho con.

Chị Hoàng Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Nhưng được trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí Tòa án đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (nay là Thi hành án dân sự thành phố H) theo biên lai thu tiền số 0005451 ngày 27 tháng 12 năm 2024.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01(một) tháng, bị đơn anh Mạc Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời gian kháng cáo kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng GDKT, TT&THA
- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Hợp Tiến, thành phố Hải Phòng
- (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Minh Tân